

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt

Ngày 31/12/2025	15,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q4/25	306
tỷ VNĐ	
QoQ: ▲ 186 155%	
YoY: ▲ 54.0 21.5%	

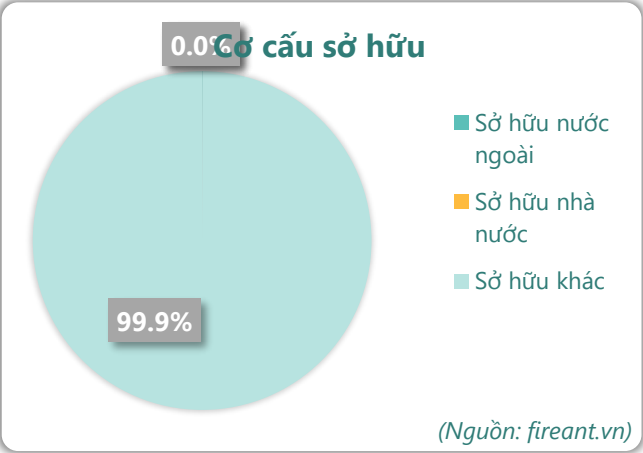
LN thuần Q4/25	37.0
tỷ VNĐ	
QoQ: ▲ 36.4 6063%	
YoY: ▲ 35.7 2835%	

LN sau thuế Q4/25	30.5
tỷ VNĐ	
QoQ: ▲ 27.7 974%	
YoY: ▲ 33.3 1193%	

Tỷ suất lãi EBIT 2025	6.5%
YoY: +/-▲ 1.8%	

ROE 2025	0.4%
YoY: +/-▲ 0.1%	

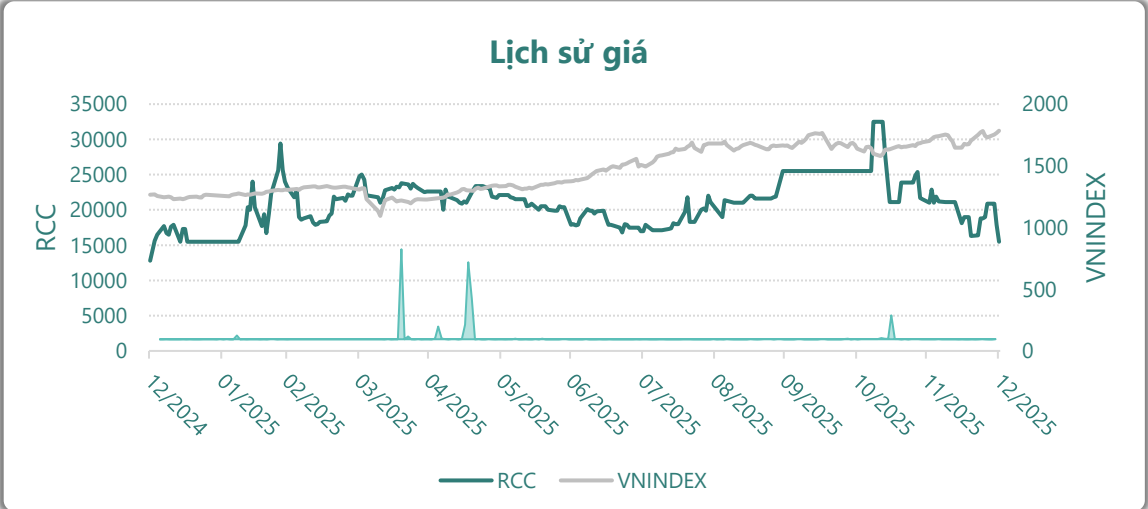
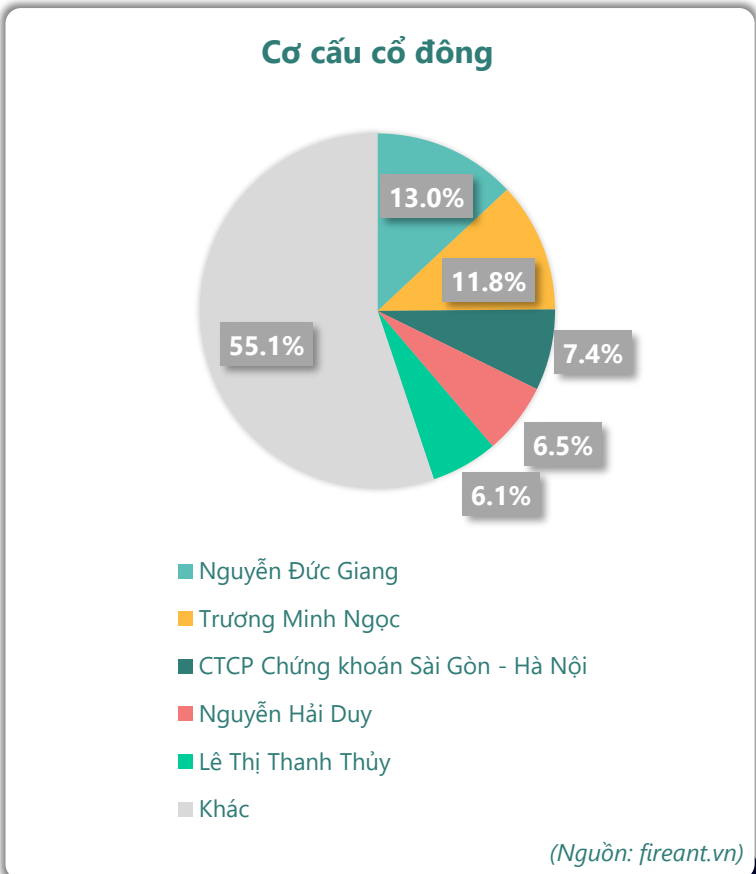
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,800 - 32,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	497
Số lượng CPLH (CP)	32,064,749
KLGD BQ 20 phiên (CP)	825
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.16)
EPS	53
P/E	293.4



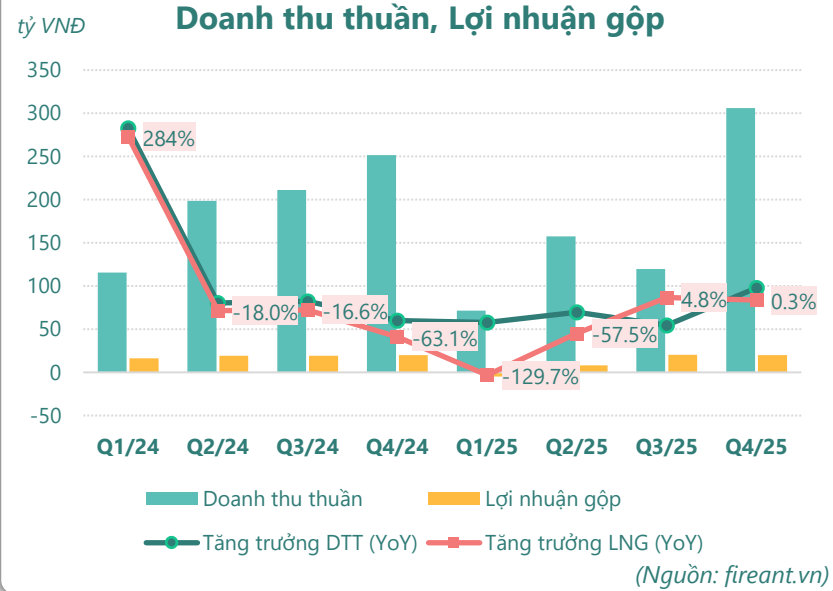
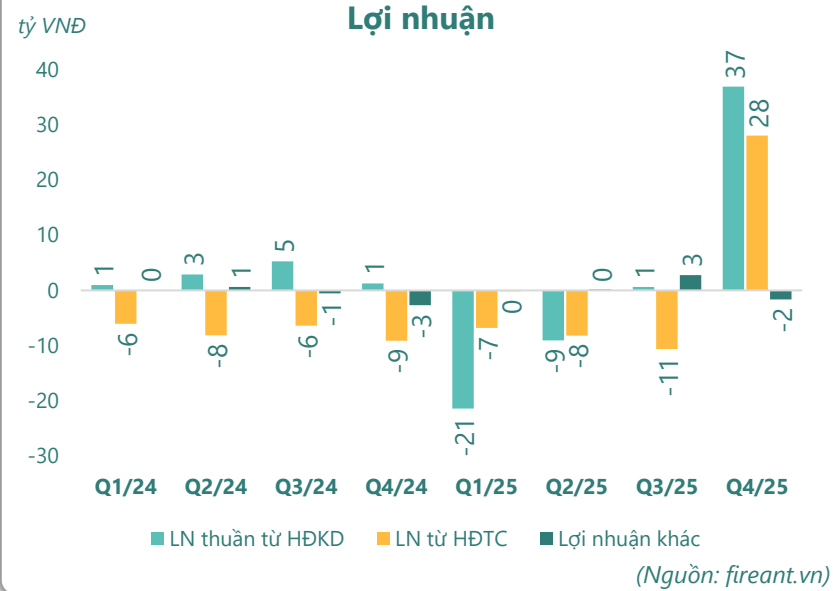
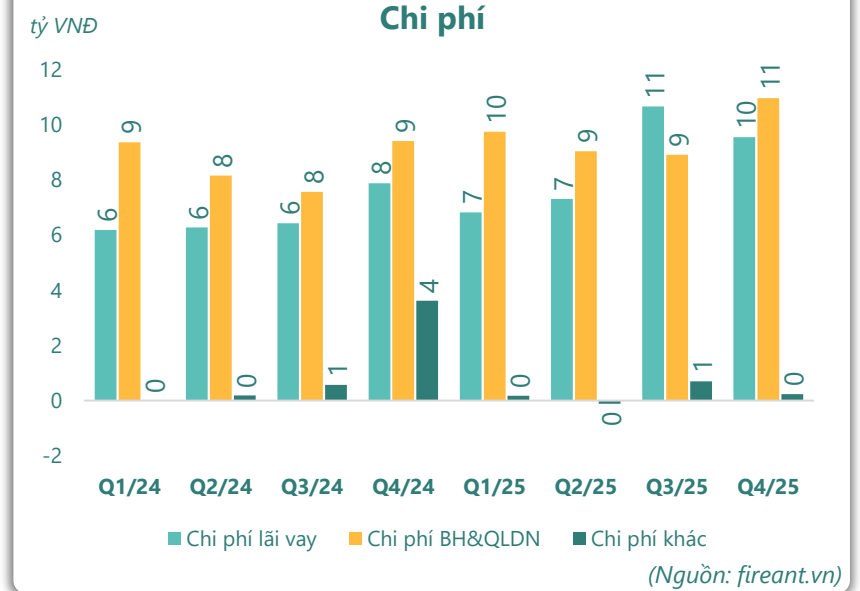
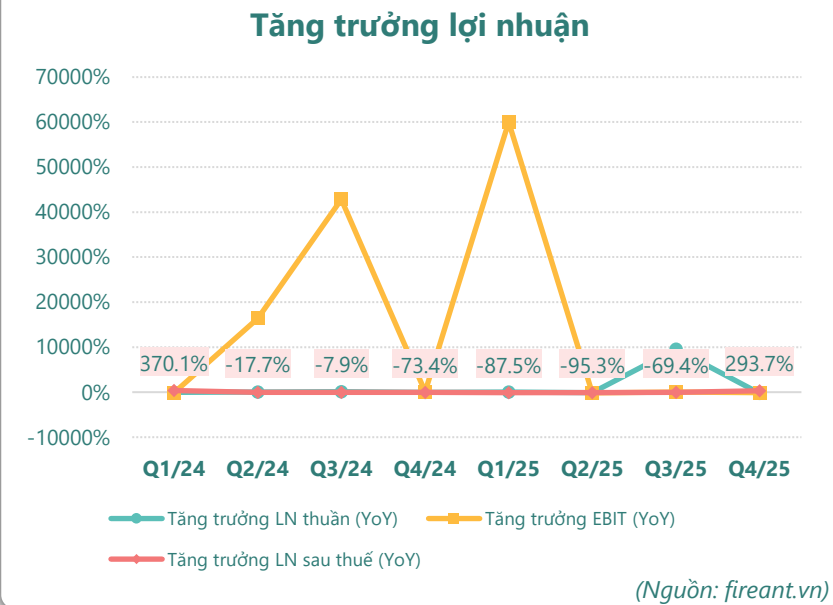
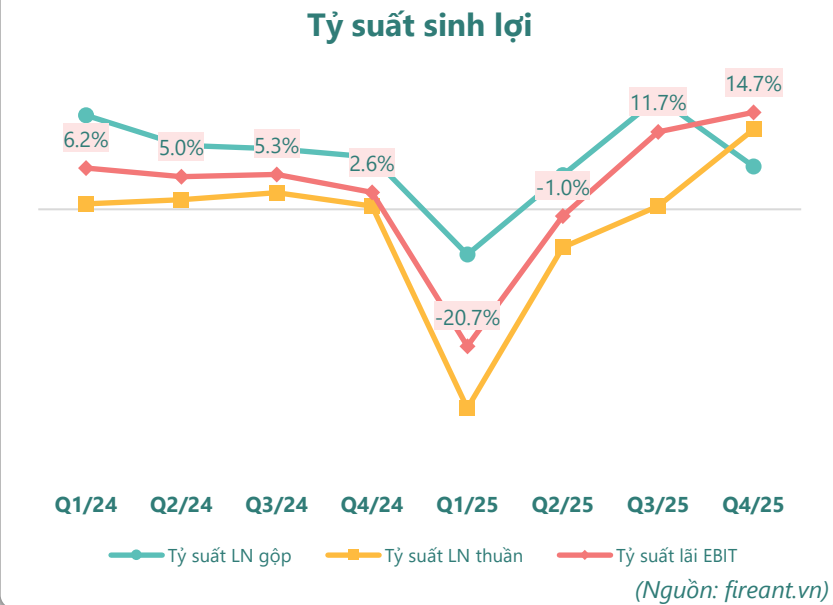
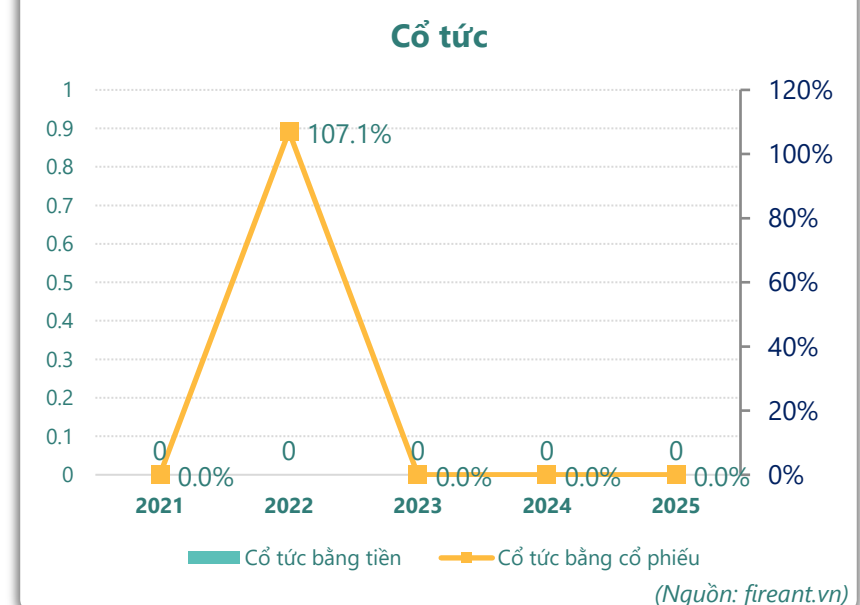
DT thuần 2025	655
tỷ VNĐ	
YoY: ▼122 -15.7%	

LN thuần 2025	7.03
tỷ VNĐ	
YoY: ▼3.77 -34.9%	

LN sau thuế 2025	2.62
tỷ VNĐ	
YoY: ▼1.13 -30.0%	



KẾT QUẢ KINH DOANH



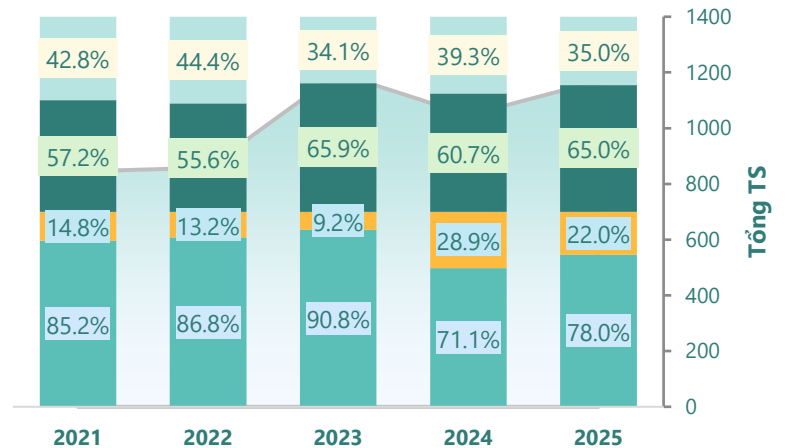


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

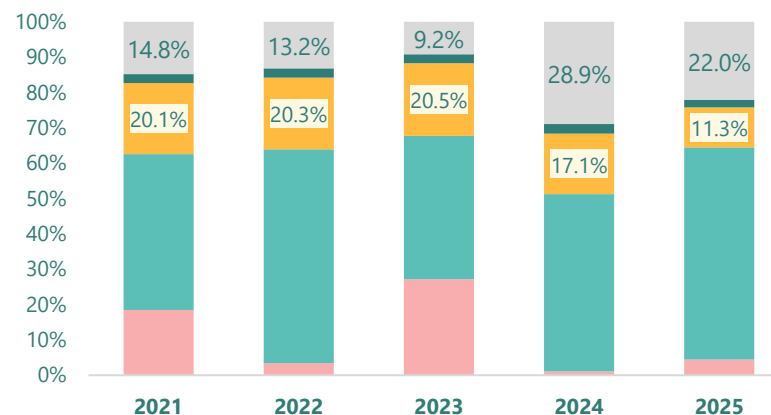
Tổng TS



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

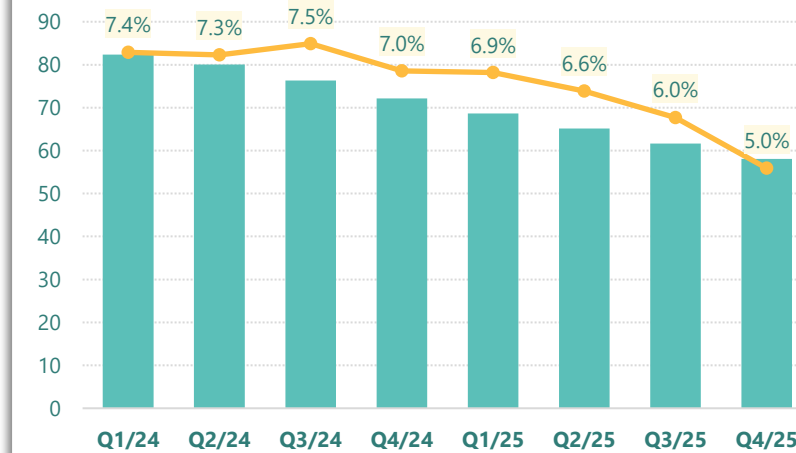


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

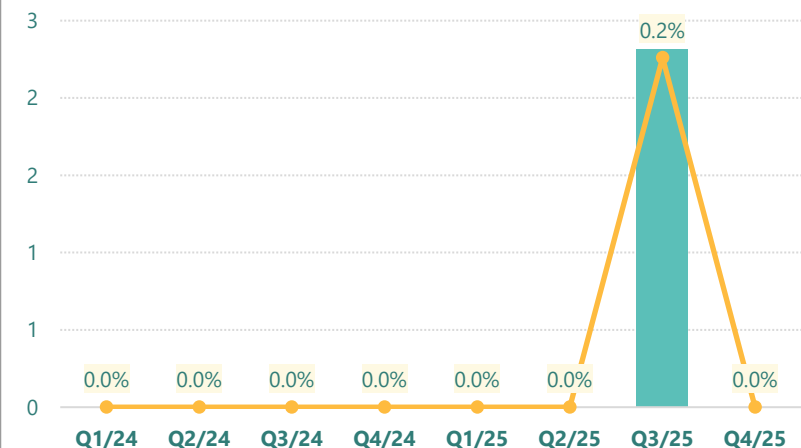


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

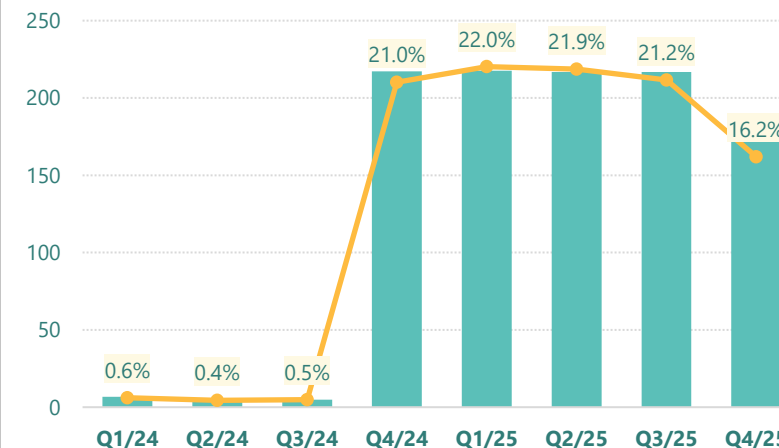


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

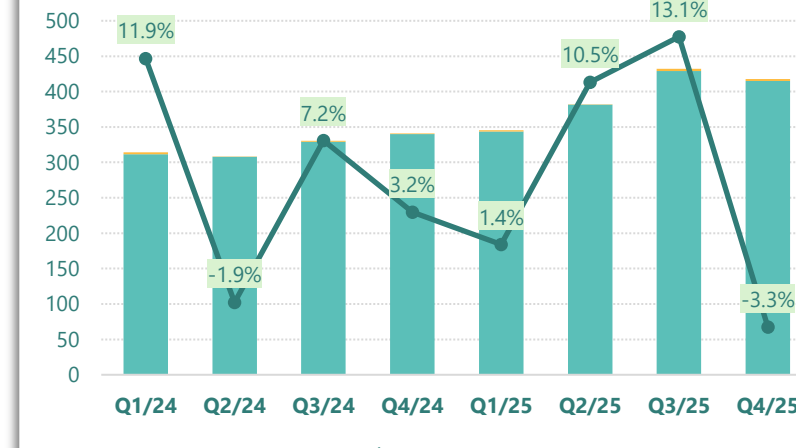


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

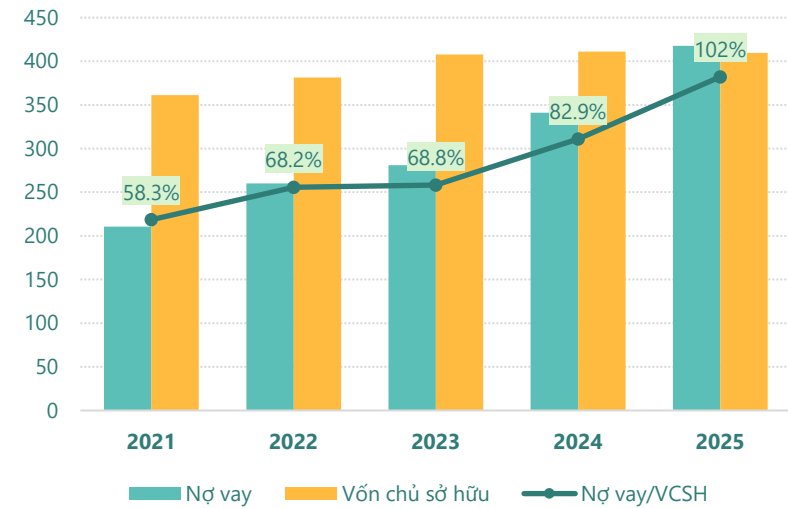
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

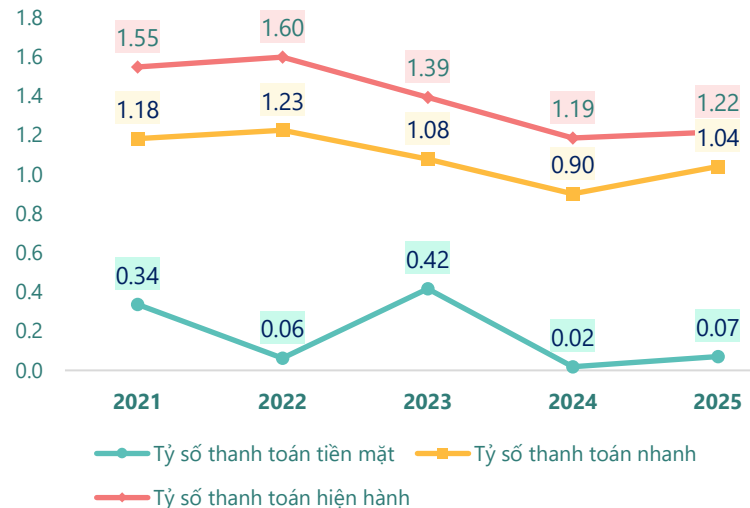
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



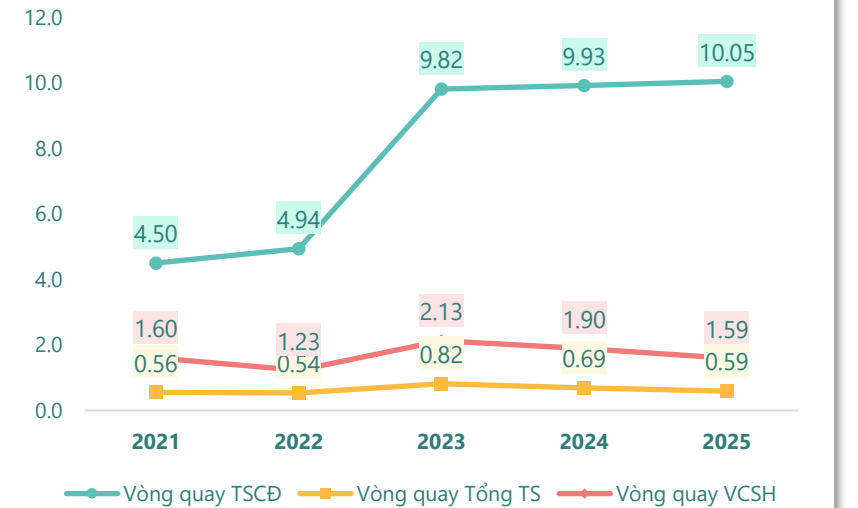
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



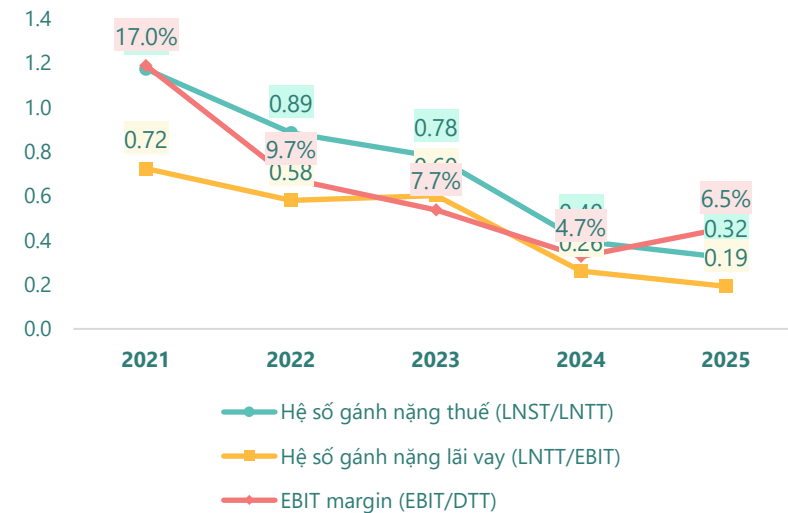
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



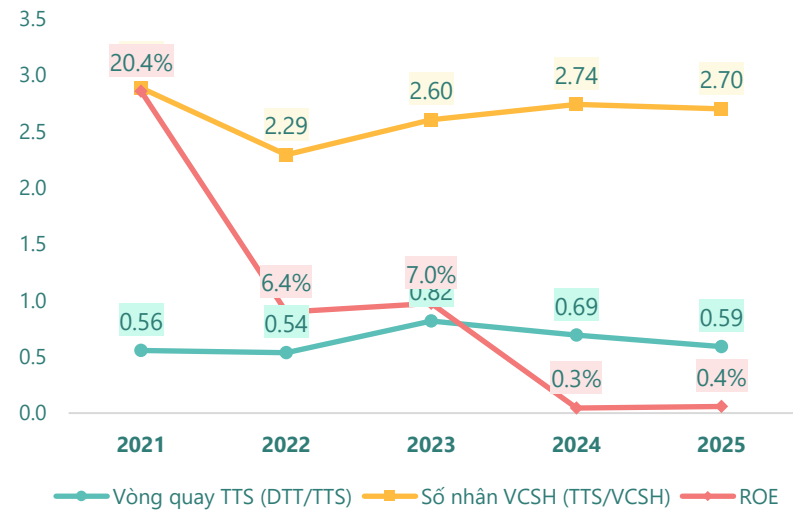
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



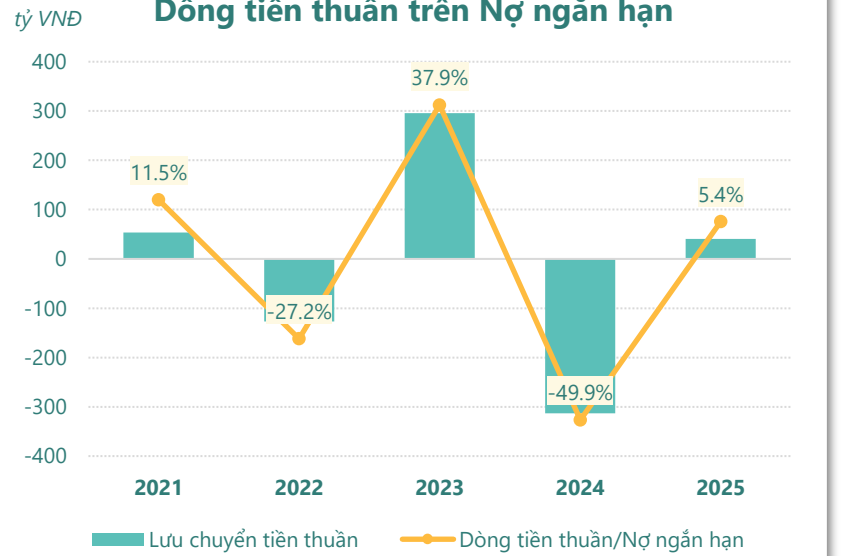
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	306	252	21.5%	655	777	-15.7%
Giá vốn hàng bán	286	232	23.4%	611	700	-12.7%
Lợi nhuận gộp	19.9	19.8	0.3%	43.3	76.4	-43.3%
Doanh thu HĐTC	38.0	0.93	3985%	38.0	0.29	13112%
Chi phí TC	9.89	10.0	-1.1%	35.6	30.5	16.6%
Chi phí lãi vay	9.56	7.89	21.2%	34.4	26.8	28.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.34	0.04	749%	0.86	1.21	-28.5%
Chi phí QLDN	10.6	9.39	13.3%	37.9	34.1	11.0%
LN thuần từ HĐKD	37.0	1.26	2835%	7.03	10.8	-34.9%
Lợi nhuận khác	-1.66	-2.70	38.7%	1.13	-1.34	185%
LN trước thuế	35.3	-1.44	2553%	8.17	9.46	-13.7%
Lợi nhuận sau thuế	30.5	-2.79	1193%	2.62	3.75	-30.0%
LNST của CĐ cty mẹ	30.6	-3.09	1090%	1.69	1.31	29.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-176	183	-5.76	-43.8	-45.9	-8.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.55	-209	0.05	-0.03	0.00	68.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.5	26.2	4.61	37.6	48.8	-14.3
Tiền đầu kỳ	165	11.2	11.6	10.5	4.30	7.22
Lưu chuyển tiền thuần	-154	0.40	-1.11	-6.22	2.92	45.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.2	11.6	10.5	4.30	7.22	52.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,169	1,047	11.7%
Tài sản ngắn hạn	912	744	22.6%
Tiền và tương đương tiền	52.3	11.6	350%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	702	525	33.7%
Hàng tồn kho	132	179	-26.1%
Tài sản ngắn hạn khác	25.4	28.7	-11.5%
Tài sản dài hạn	258	303	-14.9%
Phải thu dài hạn	2.62	2.38	10.0%
Tài sản cố định	58.1	72.1	-19.5%
Bất động sản đầu tư	2.90	2.99	-3.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	189	218	-13.0%
Tài sản dài hạn khác	4.82	7.66	-37.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	760	635	19.6%
Nợ ngắn hạn	749	627	19.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	415	341	21.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	251	195	28.7%
Nợ dài hạn	10.7	8.08	32.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.66	0.32	731%
Nguồn vốn chủ sở hữu	410	411	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	410	411	-0.3%
Vốn điều lệ	321	321	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

